CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Sách và Thiết bị Bình Định

Ngày 28/06/2024	11,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.2%	**-**	**29.7%**

DT thuần
Q2/24
26.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.8| 843%
YoY: ▲ 1.50| 6.0%

LN thuần
Q2/24
0.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.17| 286%
YoY: ▼0.21| -47.4%

LN sau thuế
Q2/24
0.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.21| 689%
YoY: ▼0.17| -42.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
1.4%
YoY: +/-▼ 1.6%

ROE (TTM)
Q2/24
5.7%
YoY: +/-▼ 1.5%

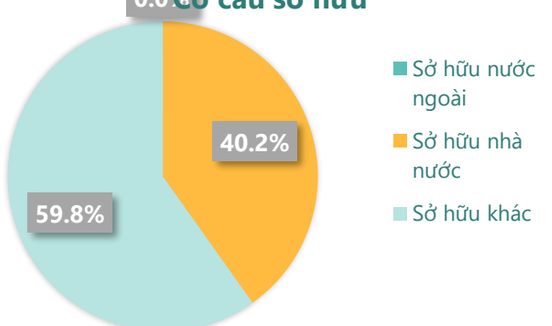
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,714 - 14,055
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13
Số lượng CPLH (CP)	1,126,474
KLGD BQ 20 phiên (CP)	535
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.20)
EPS	661
P/E	17.1

DT thuần
6T 2024
29.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00| -6.2%

LN thuần
6T 2024
0.29
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.24| -44.7%

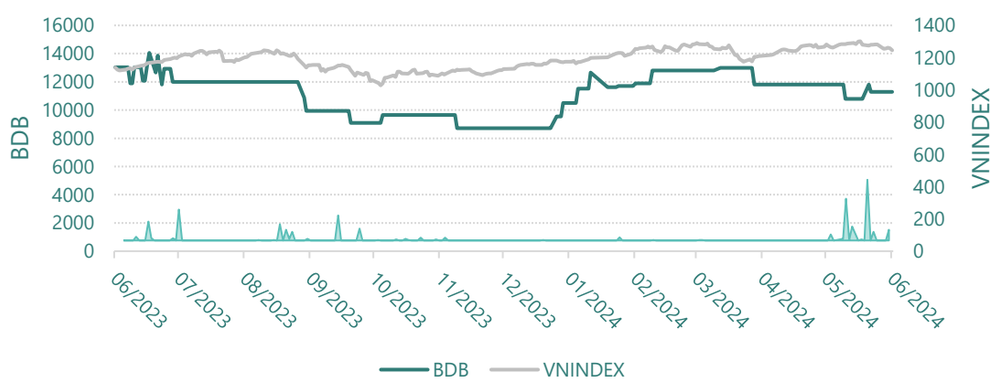
LN sau thuế
6T 2024
0.27
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.20| -42.8%

Cơ cấu sở hữu

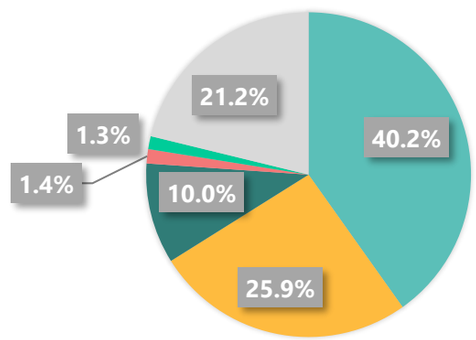


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

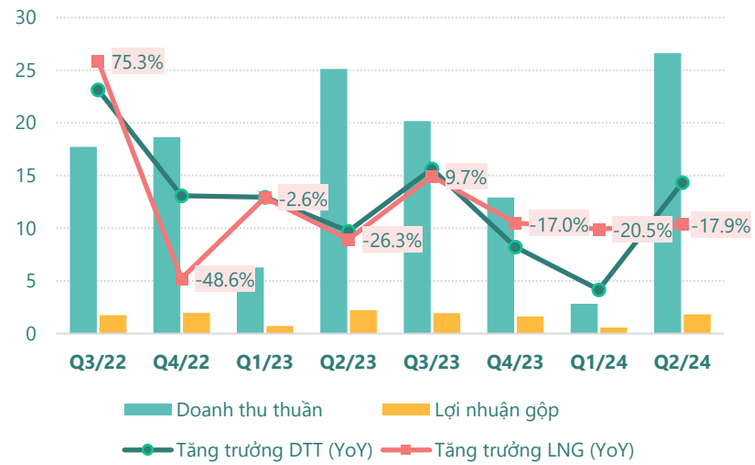


- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
- CTCP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng
- Nguyễn Thị Thu An
- Đỗ Hữu Long
- Phạm Đình Thuấn (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

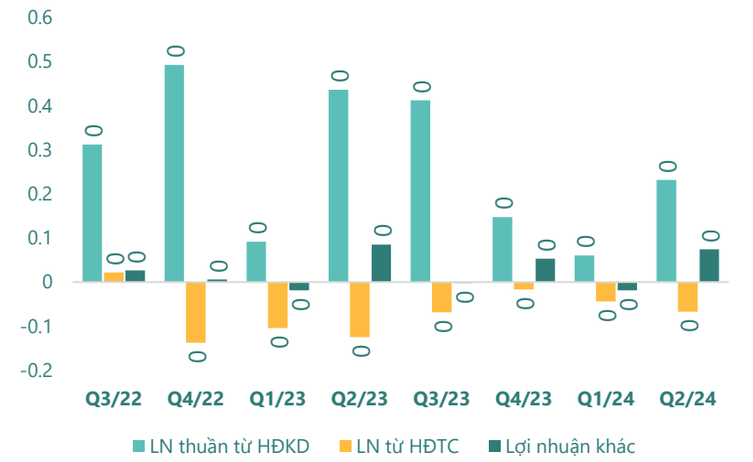
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



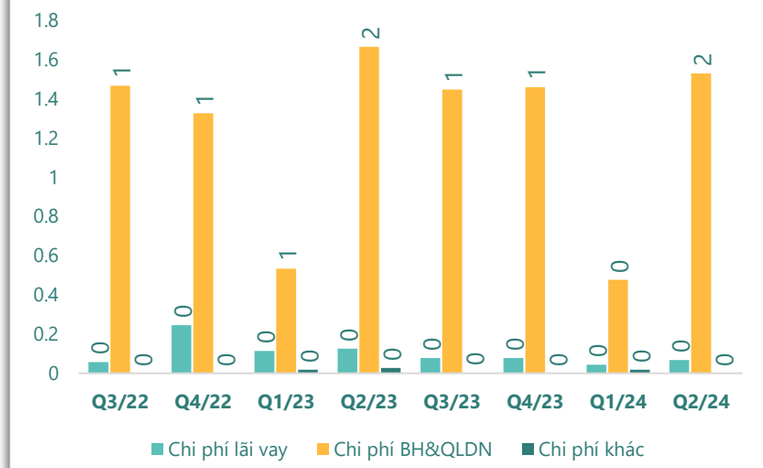
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



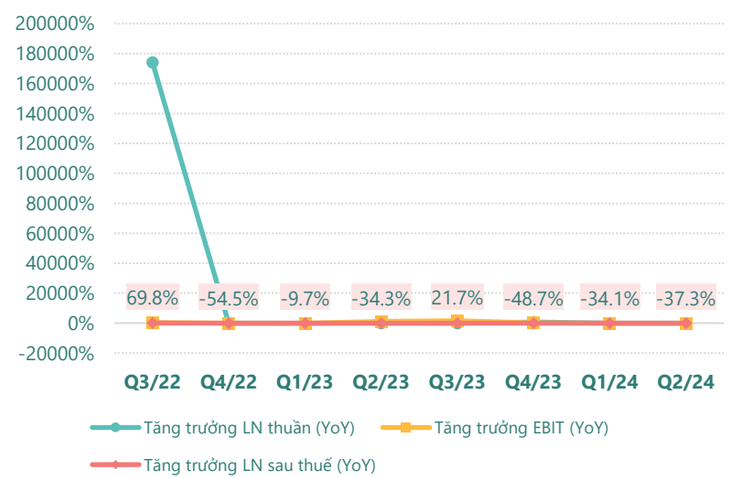
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



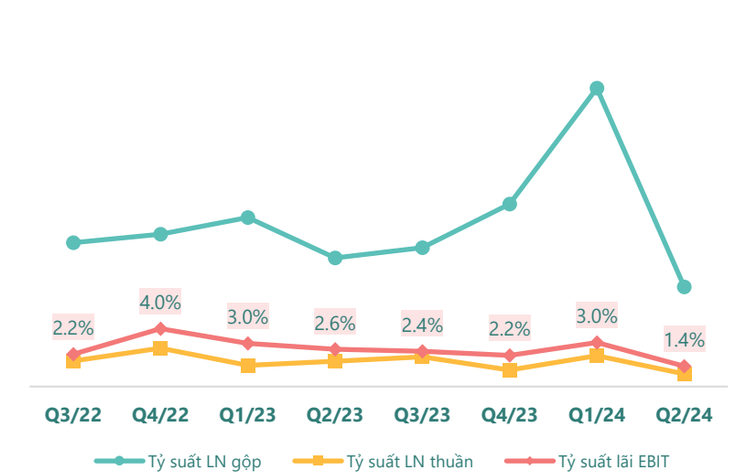
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



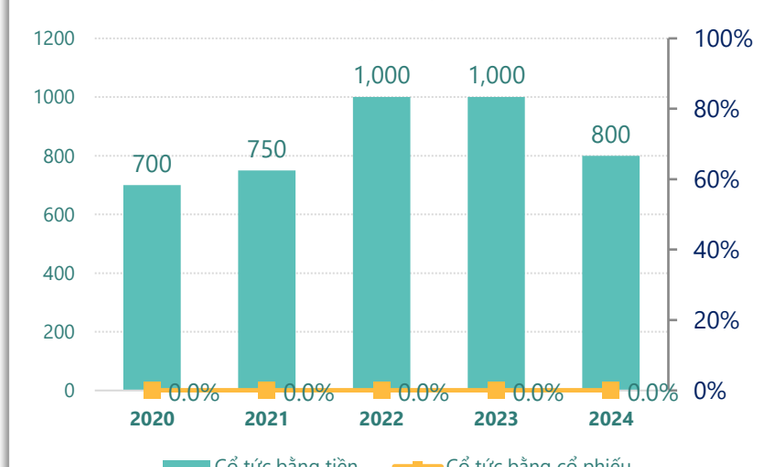
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

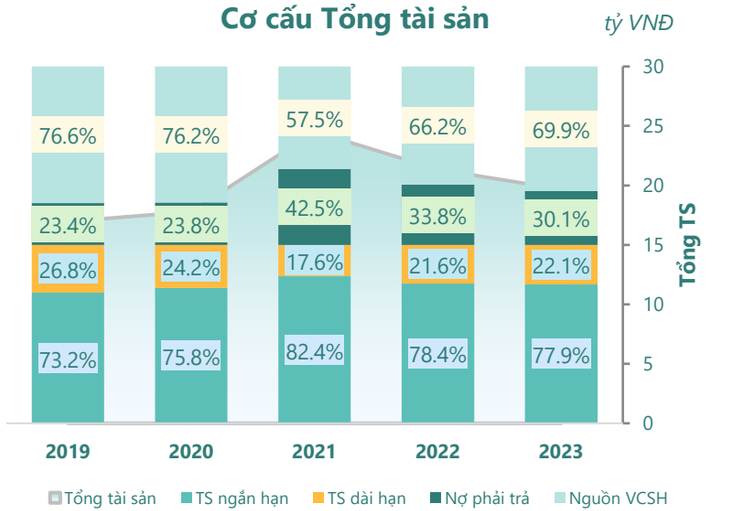
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

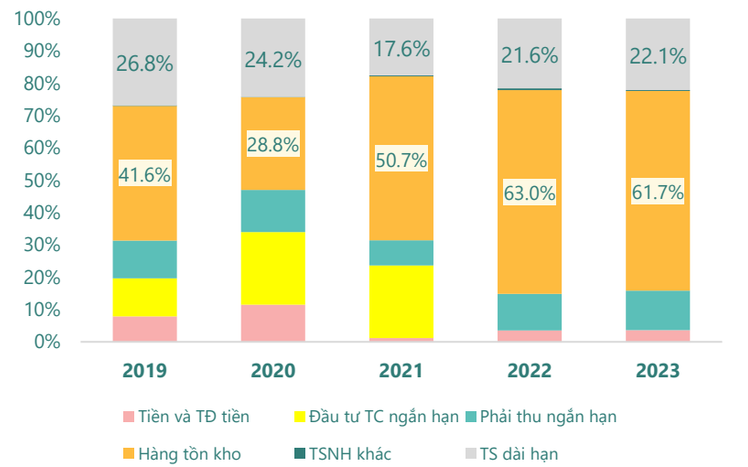
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



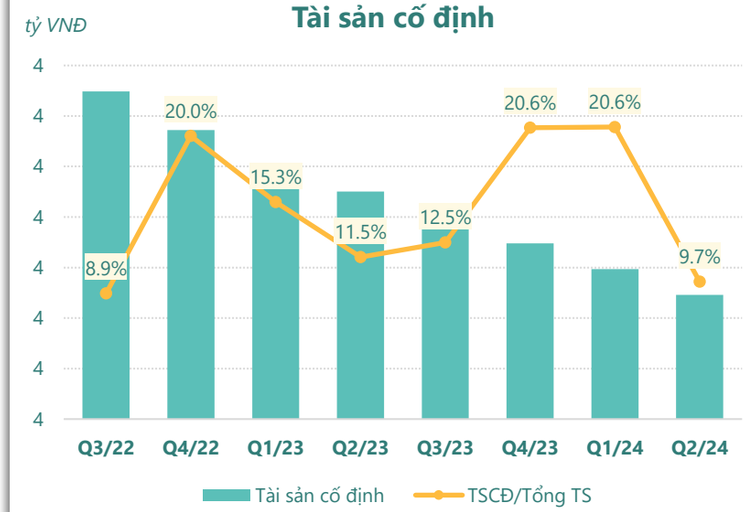
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



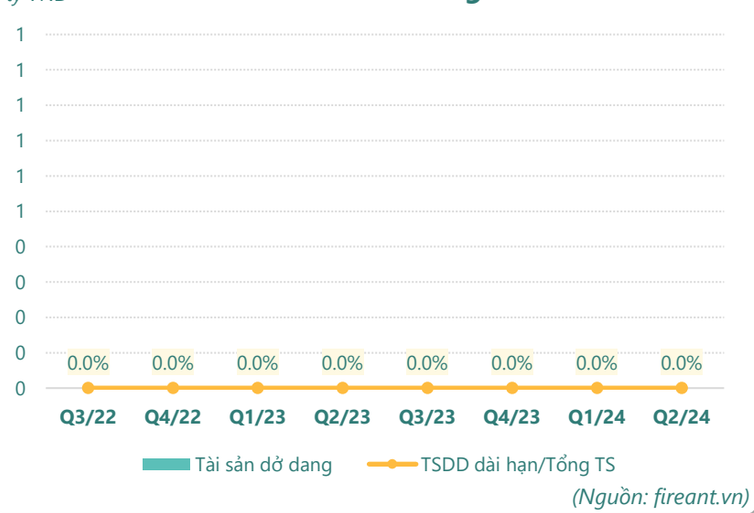
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



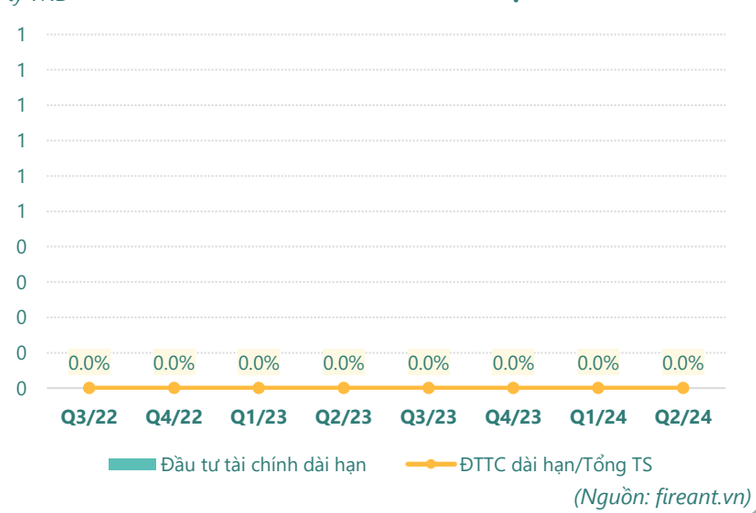
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



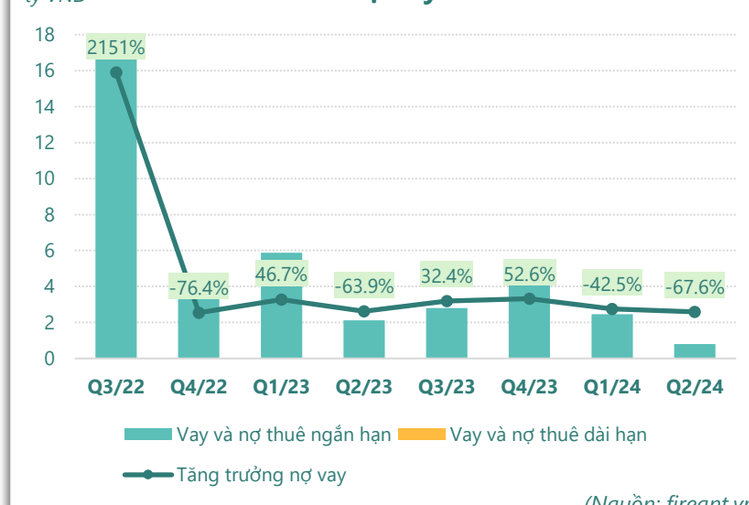
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

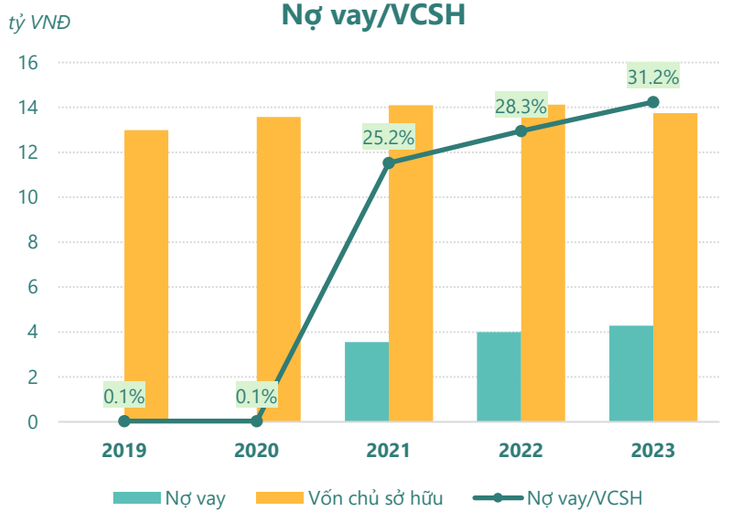
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

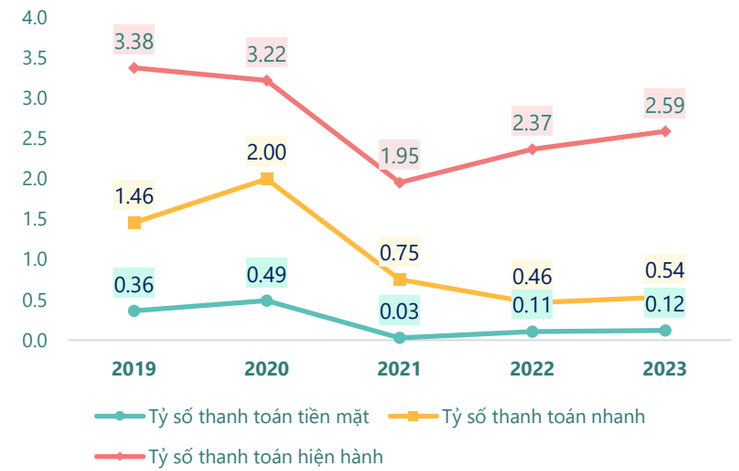
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



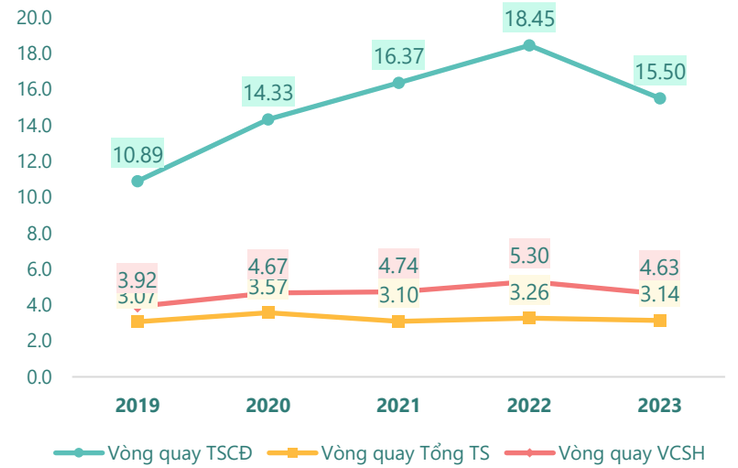
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



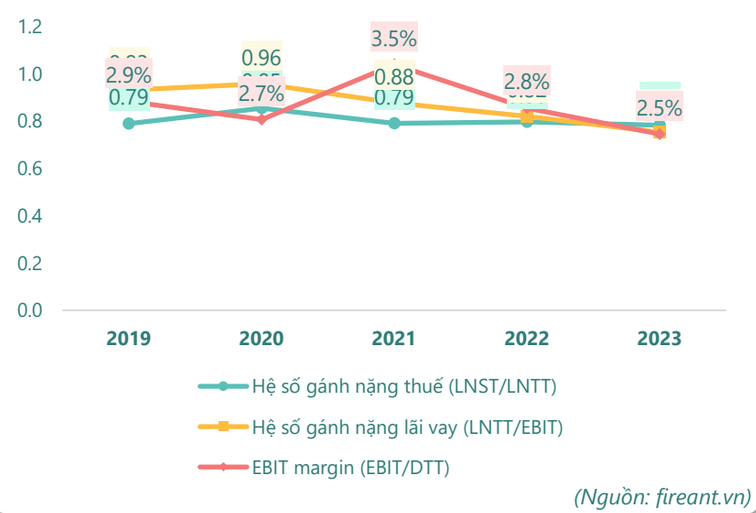
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



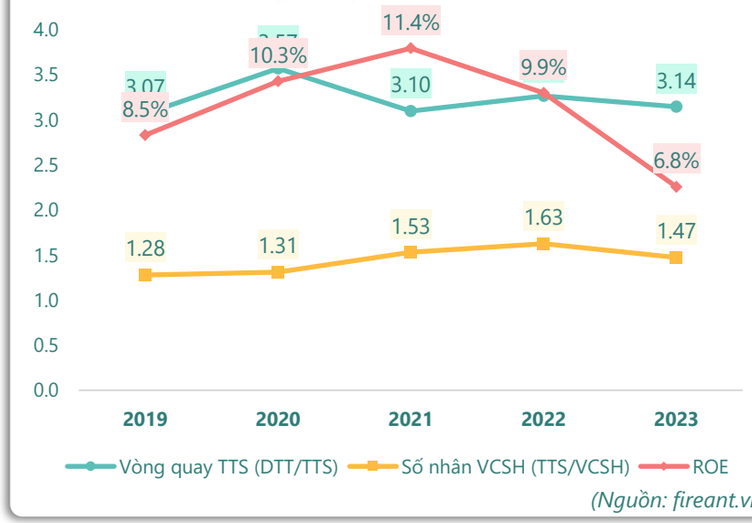
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



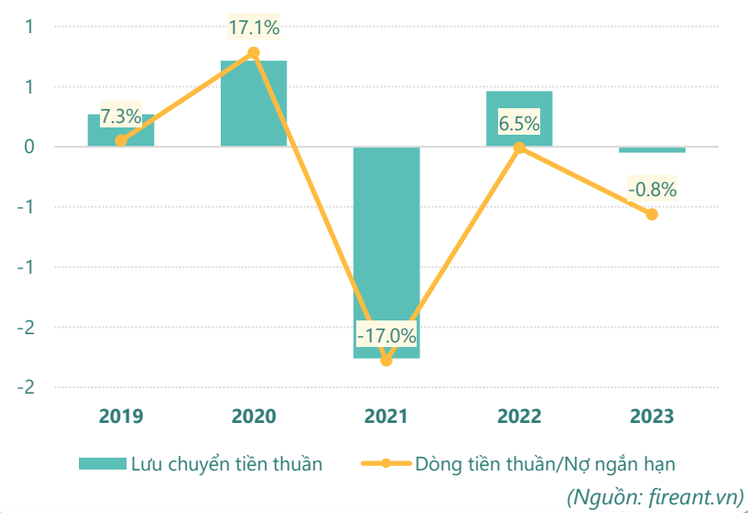
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**26.6**	**25.1**	**6.0%**	**29.4**	**31.4**	**-6.2%**
Giá vốn hàng bán	24.8	22.9	8.2%	27.0	28.4	-4.9%
Lợi nhuận gộp	1.83	2.23	-18.0%	2.41	2.96	-18.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.01	-97.1%
Chi phí TC	0.07	0.13	-48.5%	0.11	0.24	-53.7%
Chi phí lãi vay	0.07	0.13	-48.5%	0.11	0.24	-53.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.85	0.97	-12.7%	1.04	1.21	-14.3%
Chi phí QLDN	**0.68**	**0.70**	**-2.4%**	**0.97**	**0.99**	**-2.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.23	0.44	-47.4%	0.29	0.53	-44.7%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**0.08**	**-7.3%**	**0.06**	**0.07**	**-16.3%**
LN trước thuế	0.31	0.52	-41.2%	0.35	0.59	-41.5%
Lợi nhuận sau thuế	**0.24**	**0.41**	**-42.3%**	**0.27**	**0.47**	**-42.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.24**	**0.41**	**-42.3%**	**0.27**	**0.47**	**-42.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.50	3.92	-1.35	-1.28	1.50	2.59
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.09	1.10	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.87	-4.88	0.69	1.48	-1.82	-2.55
Tiền đầu kỳ	0.75	1.03	1.17	0.51	0.71	0.39
Lưu chuyển tiền thuần	**0.28**	**0.14**	**-0.66**	**0.19**	**-0.32**	**0.04**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.03	1.17	0.51	0.71	0.39	0.43

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**40.6**	**19.7**	**107%**
Tài sản ngắn hạn	36.4	15.3	138%
Tiền và tương đương tiền	0.43	0.71	-39.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	10.8	2.41	349%
Hàng tồn kho	25.1	12.1	107%
Tài sản ngắn hạn khác	0.10	0.05	91.9%
Tài sản dài hạn	**4.16**	**4.35**	**-4.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.95	4.05	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.22**	**0.31**	**-28.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27.6	5.92	366%
Nợ ngắn hạn	**27.6**	**5.92**	**366%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.80	4.28	-81.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.2	1.00	2531%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**13.0**	**13.7**	**-5.1%**
Vốn chủ sở hữu	**13.0**	**13.7**	**-5.1%**
Vốn điều lệ	11.3	11.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)